

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2020/DS - ST
Ngày: 24-7-2020
V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hải Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Xươngne
2. Ông Thiệu Hoàng Mới

- Thư ký phiên tòa: Bà: Trần Thị Cúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Dương Thanh Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 29/2020/TLST-DS ngày 04 tháng 3 năm 2020 về tranh chấp: “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 130/2020/QĐXX-ST ngày 15 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Q.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tiến D, sinh năm 1966.

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Địa chỉ trụ sở chính: số xxxx, phố B, phường H, quận H, thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Viết K - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần Q – Chi nhánh C.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng tại Tòa án:

Anh Huỳnh Thanh V

Chức vụ: Chuyên viên - Ngân hàng thương mại cổ phần Q – Chi nhánh C.

Địa chỉ chi nhánh: số xxx, đường xx, phường X, quận N, thành phố C.

2. Bị đơn: Anh Lê Văn H, sinh năm: 1979.

Chị Phạm Thị Kiều N, sinh năm 1983.

Địa chỉ HKTT: số xxx, ấp H, xã X, huyện K, tỉnh S.

(Đại diện Ngân hàng có mặt; Anh H và chị N cùng vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30/12/2019, các lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là Ngân hàng thương mại cổ phần Q – người đại diện theo ủy quyền là ông Đinh Viết Khoa trình bày:

Vào ngày 04/01/2018 Ngân hàng thương mại cổ phần Q và vợ chồng Lê Văn H, chị Phạm Thị Kiều N có ký kết hợp đồng cho vay số 005/18/HĐCV-9362, theo đó anh Hận và chị Nương sẽ được Ngân hàng thương mại cổ phần Q cho vay số tiền 630.000.000 đồng.

Mục đích vay: Thanh tiền mua xe ô tô tải hiệu DOTHANH mang biển số 83C1-059.50.

Thời hạn vay: 72 tháng.

Lãi suất tại thời điểm giải ngân là 9%/ năm, định kỳ điều chỉnh lãi suất 03 tháng/lần, tiền vốn và lãi phát sinh trả hằng tháng vào ngày 25, trả 72 kỳ.

Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ vay, anh Hận, chị Nương và Ngân hàng thương mại cổ phần Q có ký kết Hợp đồng thế chấp ô tô số 005/18/HĐTC-9362 để thế chấp tài sản là xe ô tô hình thành trong tương lai đối với phương tiện ô tô tải hiệu DOTHANH MIGHTY HD99-TMB; màu sơn: xanh; số khung: RPPGD17BPHD004131; số máy: D4DBHJ644335; mang biển số: 83C1-059.50 do anh Lê Văn H đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô.

Sau khi vay tiền, anh Lê Văn H và chị Phạm Thị Kiều Nương không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền vốn và lãi phát sinh theo thỏa thuận và cũng không thanh toán nợ gốc khi đến hạn, gây thiệt hại đến quyền lợi của ngân hàng. Cho nên, Ngân hàng thương mại cổ phần Q đã thu giữ tài sản thế chấp theo Quyết định số 47B/2018/QĐ-NCB ngày 07/10/2018 và đã tiến hành các thủ tục có liên quan đến việc bán đấu giá tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Sau khi thực hiện xong việc bán đấu giá tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô tải nêu trên được số tiền 551.000.000 đồng và trừ các chi phí phát sinh liên quan đến việc đấu giá tài sản thì ngân hàng đã tiến hành thu nợ với số tiền là 499.015.000 đồng vào vốn gốc. Hiện anh Lê Văn H và

chị Phạm Thị Kiều N còn nợ Ngân hàng thương mại cổ phần Q số tiền vốn vay còn nợ là 104.885.000 đồng và tiền lãi phát sinh.

Vì vậy, Ngân hàng thương mại cổ phần Q yêu cầu anh Lê Văn H và chị Phạm Thị Kiều N phải cùng chịu trách nhiệm thanh toán số tiền vốn vay còn nợ là 104.885.000 đồng và lãi phát sinh tính đến ngày 24/7/2020.

Đối với tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp ô tô số 005/18/HĐTC-9362 để thế chấp tài sản là xe ô tô hình thành trong tương lai đối với phương tiện ô tô tải hiệu DOTHANH MIGHTY HD99-TMB; màu sơn: xanh; số khung: RPPGD17BPHD004131; số máy: D4DBHJ644335; mang biển số: 83C1-059.50 do anh Lê Văn H đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô do đã được ngân hàng xử lý, bán đấu giá xong và cũng không có tài sản thế chấp nào khác nên xem như xong, không yêu cầu Tòa án đặt ra xem xét.

Bị đơn là anh Lê Văn H vắng mặt.

Tại tờ tường trình ngày 11/5/2020, bị đơn là anh Lê Văn H trình bày:

Vào ngày 28/9/2018 vợ chồng anh H và chị Phạm Thị Kiều N có vay tiền của Ngân hàng thương mại cổ phần Q – Chi nhánh Cần Thơ số tiền là 630.000.000 đồng để thanh toán mua xe. Thời hạn vay là 72 tháng, trả lãi và gốc hàng tháng khoảng 10.000.000 đồng. Anh Hận đã trả lãi được 07 tháng thì ngưng. Đối với chiếc xe mang biển số 83C1-059.50 thì Ngân hàng thương mại cổ phần Q đang quản lý. Do anh H cho rằng phía ngân hàng đã lấy chiếc xe cản trở nợ nên không đồng ý trả tiếp 194.798.411 đồng cho ngân hàng.

Đối với số tiền 220.000.000 đồng mà vợ chồng anh Hận đã trả cho ngân hàng thì anh Hận không có ý kiến hay yêu cầu gì, xem như xong.

Bị đơn là chị Phạm Thị Kiều N vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng phát biểu:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định Bộ luật tố tụng Dân sự. Tư cách của người tham gia tố tụng tuân thủ theo đúng quy định của Điều 68, 70, 71, 72, 234 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Theo các tài liệu thể hiện trong hồ sơ và tại phiên tòa sơ thẩm Đại diện Viện kiểm sát nhận thấy yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Q là có căn cứ để chấp nhận, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng: Buộc anh Lê Văn H và chị Phạm Thị Kiều N phải cùng chịu trách nhiệm thanh toán số tiền vốn vay còn nợ là 104.885.000 đồng và lãi phát sinh tính đến ngày 24/7/2020.

Về tài sản thế chấp: Do phía Ngân hàng thương mại cổ phần Q đã thanh lý xong và không còn tài sản nào khác và không có yêu cầu nên không có căn cứ để đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí và chi phí tố tụng: đề nghị Hội đồng xét xử quyết định theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên Tòa, bị đơn là anh Lê Văn H có đơn xin vắng mặt, bị đơn là chị Phạm Thị Kiều N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do và cũng không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đồng thời các bị đơn không có yêu cầu phản tố. Xét thấy, Tòa án nhân dân huyện Kế Sách đã tiến hành các thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng cho các bị đơn đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015. Cho nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các bị đơn là có căn cứ và đúng với quy định tại khoản 2, Điều 227 và khoản 3, Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về chứng cứ trong vụ án:

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có cung cấp chứng cứ là hợp đồng cho vay số 005/18/HĐCV-9362 ngày 04/01/2018 và khế ước nhận nợ số 001/KUNN/005/18/HĐCV-9362 ngày 05/01/2018 đều thể hiện việc nguyên đơn có cho các bị đơn vay số tiền 630.000.000đ. Vấn đề này, bị đơn Lê Văn H cũng thừa nhận. Như vậy, đã đủ cơ sở để xác định, giữa nguyên đơn và các bị đơn đã thực hiện giao dịch về tài sản thông qua hợp đồng vay tiền có kỳ hạn và có lãi theo quy định của pháp luật là có thật.

Mặt khác, tại khoản 1 Điều 91 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 có quy định “Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp...”; tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 có quy định: “.... Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó ...” và tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 có quy định “ Đương sự có nghĩa vụ đưa ra những chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án”. Xét thấy, sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành các thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng cho bị đơn Phạm Thị Kiều N như: thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa; các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập được. Trong đó, thông báo về việc thụ lý vụ án đã ghi rõ nội dung sự việc, yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu chứng minh cho yêu cầu của nguyên đơn, nhưng phía bị đơn Phạm Thị Kiều N không đến Tòa án để giải quyết vụ án, không có ý kiến phản hồi về yêu cầu của nguyên đơn, không phản đối yêu cầu khởi kiện và các

chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, đồng thời cũng không có yêu cầu phản tố. Như vậy bị đơn Phạm Thị Kiều N đã tự tước bỏ quyền chứng minh và quyền cung cấp chứng cứ của mình. Vì vậy, Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét các ý kiến và các yêu cầu của bị đơn Phạm Thị Kiều N mà đã có đủ căn cứ để xác định chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp và lời thừa nhận của bị đơn Lê Văn H là hoàn toàn hợp lệ, phù hợp với quy định tại Điều 93, Điều 94 và Điều 95 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Tại phiên Tòa, nguyên đơn yêu cầu các bị đơn cùng chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền vay còn nợ. Xét thấy, các bị đơn đã có vay tiền của nguyên đơn, đồng thời các bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán mà các bên đã thỏa thuận theo hợp đồng cho vay số 005/18/HĐCV-9362 ngày 04/01/2018 và khế ước nhận nợ số 001/KUNN/005/18/HĐCV-9362 ngày 05/01/2018, gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Cho nên, yêu cầu của nguyên đơn đòi các bị đơn phải thanh toán số tiền vốn vay còn nợ là 104.885.000 đồng và 109.747.869 đồng tiền lãi phát sinh tính đến ngày 24/7/2020. Cộng chung là **214.632.869 đồng (hai trăm mười bốn triệu sáu trăm ba mươi hai ngàn tám trăm sáu mươi chín đồng)** là chính đáng, có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 280 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp ô tô số 005/18/HĐTC-9362 ngày 04/01/2018:

Đối với tài sản thế chấp là xe ô tô tải hiệu DOTHANH MIGHTY HD99-TMB; màu sơn: xanh; số khung: RPPGD17BPHD004131; số máy: D4DBHJ644335; mang biển số: 83C1-059.50 do bị đơn Lê Văn H đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Tại Điều 3 và Điều 4 của hợp đồng thế chấp ô tô số 005/18/HĐTC-9362 ngày 04/01/2018 có quy định về quản lý tài sản bảo đảm và quyền xử lý tài sản bảo đảm được nguyên đơn và các bị đơn tự nguyện thỏa thuận, do các bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng vay và khế ước nhận nợ nên nguyên đơn đã xử lý, bán đấu giá để thu hồi một phần tiền nợ của các bị đơn. Xét thấy, việc nguyên đơn thực hiện giữ tài sản thế chấp, thực hiện các thủ tục xử lý, bán đấu giá tài sản thế chấp để thu hồi nợ của các bị đơn là hoàn toàn phù hợp với thỏa thuận của các bên và quy định của pháp luật. Do tài sản thế chấp đã được nguyên đơn xử lý xong và cũng không có tài sản thế chấp nào khác theo nội dung hợp đồng thế chấp ô tô số 005/18/HĐTC-9362 ngày 04/01/2018, đồng thời, nguyên đơn cũng không có yêu cầu gì về hợp đồng thế chấp nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Yêu cầu về tiền của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Các bị đơn phải cùng chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, khoản 2, khoản 4 Điều 91, Điều 93, Điều 94, Điều 95, khoản 2, Điều 227, khoản 3, Điều 228, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 280, Điều 292, Điều 298, Điều 299, Điều 300, Điều 303, Điều 304, Điều 307, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 16 Điều 4, Điều 12, Điều 90, Điều 91, Điều 95 và Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, được sửa đổi bổ sung năm 2017 và Văn bản hợp nhất số 07/VBHN-VPQH ngày 12/12/2017 của Văn phòng Quốc hội.

Căn cứ Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/8/2016 và công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014;

Căn cứ Điều 7, Điều 8 và Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần Q.

Buộc anh Lê Văn H và chị Phạm Thị Kiều N cùng chịu trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q số tiền vốn vay còn nợ là 104.885.000 đồng và 109.747.869 đồng tiền lãi phát sinh tính đến ngày 24/7/2020. Cộng chung là **214.632.869 đồng (hai trăm mười bốn triệu sáu trăm ba mươi hai ngàn tám trăm sáu mươi chín đồng).**

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm anh Lê Văn H và chị Phạm Thị Kiều N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thoả thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thương mại cổ phần Q thì lãi suất mà anh Lê Văn H và chị Phạm Thị Kiều N phải tiếp tục

thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q theo quyết định của Toà án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng thương mại cổ phần Q.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Mức lãi suất hai bên thỏa thuận là mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận trong hợp đồng. Trường hợp, các bên không có thỏa thuận về mức lãi suất nợ quá hạn thì mức lãi suất nợ quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn.

[2] Về án phí:

Ngân hàng thương mại cổ phần Q được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là **4.867.000 đồng (bốn triệu tám trăm sáu mươi bảy ngàn đồng)** theo biên lai thu số 0002717 ngày 02/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách.

Anh Lê Văn H và chị Phạm Thị Kiều N phải cùng chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là **10.731.643 đồng (mười triệu bảy trăm ba mươi một ngàn sáu trăm bốn mươi ba đồng)**.

Án xử công khai, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt tại phiên Tòa và có mặt khi tuyên án.

Anh Lê Văn H không có mặt tại phiên Tòa và cũng không có mặt khi tuyên án do có đơn xin vắng mặt.

Chị Phạm Thị Kiều N không có mặt tại phiên Tòa và cũng không có mặt khi tuyên án mà không có lý do chính đáng.

Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện không có mặt tại phiên Tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Đối với trường hợp đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện đã tham gia phiên Tòa nhưng vắng mặt khi Tòa án tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- Lưu HSVA.

(ĐÃ KÝ)

Phạm Hải Duy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Hải Duy